

Số: 127/2023/QĐST - HNGĐ

TP.T, ngày 18 tháng 01 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 174/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Hoàng H - Sinh năm: 1977.
2. Anh Lê Văn M - Sinh năm: 1975.

Cùng nơi cư trú: Lô 38 Liên kề 11, khu đô thị Đ, phường A, thành phố T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 01 năm 2023, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân:Chị Hoàng H và anh Lê Văn M kết hôn năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, nhưng đến năm 2002 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là phường Đ), thành phố T. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm, thì đến cuối năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên thường xảy ra

va chạm. Nay anh, chị đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng H và anh Lê Văn M.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Hà và anh Lê Văn M thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh V sinh ngày 28/3/2003 và cháu Lê An B sinh ngày 12/12/2008.

Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Chị Hoàng Hà trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê An B. Anh Lê Văn M tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi cháu An B thành niên.

Riêng cháu Lê Minh V đã thành niên, nên anh M và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh M thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thỏa thuận chị H chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn M và chị Hoàng H

- *Về con chung:* Chị Hoàng H và anh Lê Văn M thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh V sinh ngày 28/3/2003 và cháu Lê An B sinh ngày 12/12/2008.

Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Chị Hoàng H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê An B. Anh Lê Văn M tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi cháu An B thành niên.

Riêng cháu Lê Minh V đã thành niên, nên anh M và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh Lê Văn M và chị Hoàng H không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0002665 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T (chị H đã nộp đủ lệ phí).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP T;
- UBND phường Đ, TPTH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan A

